

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **4850**/TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **03** tháng **10** năm 2026

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch phát triển
kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo số 443-TB/TU ngày 30/9/2026 kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 19;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 như sau:

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết

1.1. Điều chỉnh chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026

Tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, chỉ tiêu tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia năm 2026 là **69%**. Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu này xuống **37%**, đồng thời đề xuất lộ trình giai đoạn 2026-2030 lần lượt là: năm 2026 đạt 37%, năm 2027 đạt 39%, năm 2028 đạt 57%, năm 2029 đạt 70% và năm 2030 đạt 80%. Đề xuất được xây dựng trên cơ sở những thay đổi về mạng lưới trường học sau sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập và yêu cầu mới về công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo, sau khi thực hiện sắp xếp, toàn Ngành Giáo dục còn 439 trường; đến thời điểm hiện tại có 164/439 trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia. Từ tháng 10 đến tháng 12/2026 không có trường đăng ký công nhận mới, do đó việc hoàn thành chỉ tiêu 69% trong năm 2026 là rất khó khả thi. Vì vậy, việc đề xuất điều chỉnh chỉ tiêu tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia năm 2026 là **37%** là phù hợp tình hình thực tế.

1.2. Điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026-2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ. Theo đó; mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Quảng Trị được giao là 10%.

Tại điểm đ, mục 1 Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ yêu cầu Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: “*đ) Tổ chức nghiên cứu, rà soát các nguồn lực, động lực, năng lực mới cho tăng trưởng và giải pháp thực hiện, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp trong tháng 06 năm 2026 để giao bổ sung mục tiêu tăng trưởng của địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 theo Nghị quyết này và điều chỉnh trong trường hợp Hội đồng nhân dân đã quyết nghị mục tiêu thấp hơn mục tiêu tại Nghị quyết này.*”.

Tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã quyết nghị mục tiêu tăng trưởng GRDP năm giai đoạn 2026-2030 đạt 9-10% (thấp hơn mục tiêu được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP là 10%), do đó cần điều chỉnh Nghị quyết số 58/NQ-HĐND để điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ. Đồng thời giao bổ sung các chỉ tiêu đảm bảo mục tiêu tăng trưởng của tỉnh giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ.

2. Quá trình thực hiện và quy trình soạn thảo Nghị quyết

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Thống kê tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương đề xuất điều chỉnh các chỉ tiêu, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 đảm bảo sát với tình hình thực tiễn; khả năng, điều kiện, nguồn lực của địa phương và các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ.

Đồng thời, chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp các sở, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị quyết điều chỉnh một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; dự thảo Nghị quyết đã được các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến và đã tiếp thu, hoàn chỉnh trình HĐND tỉnh.

3. Bố cục và nội dung chính của Dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 02 Điều.

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030. Trong đó:

1. Điều chỉnh chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2026

- Tỷ lệ trường mầm non, phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 37% (mục tiêu đã thông qua tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND là 69%);

2. Điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030

2.1. Điều chỉnh các chỉ tiêu:

a) Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 10%/năm (mục tiêu đã thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND là 9-10%);

- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 đạt 520 nghìn tỷ đồng (mục tiêu đã thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND là 500-520 nghìn tỷ đồng);

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt 238 nghìn tỷ đồng (mục tiêu đã thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND là 227-238 nghìn tỷ đồng);

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt trên 30% (mục tiêu đã thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND là 15-20%);

- GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 145 triệu đồng (mục tiêu đã thông qua tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND là 137-145 triệu đồng).

2.2. Bổ sung các chỉ tiêu tại Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ; trong đó gồm: 15 chỉ tiêu kinh tế, 5 chỉ tiêu về văn hóa, xã hội; 03 chỉ tiêu về môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2.3. Bổ sung một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

(Chi tiết có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Nam



PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU GIAO BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 THỰC HIỆN KẾT UẬN
SỐ 18-KL/TW CỦA TRUNG ƯƠNG, NGHỊ QUYẾT SỐ 25/2026/QH16 CỦA
QUỐC HỘI VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 109/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Tờ trình số 4850/TTr-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2026
của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026-2030
I	VỀ KINH TẾ		
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	10
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,2
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	16,1
	- Công nghiệp	%	16,0
	- Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	6,9
	- Xây dựng	%	16,2
1.3	Khu vực dịch vụ	%	8,3
	Trong đó:		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	10
	- Vận tải, kho bãi	%	11,2
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	11,5
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	7,6
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và Công nghệ	%	11,5
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	7,0
2	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	USD	5.290
3	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	15
4	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030	%	7,1
5	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu Người	USD	375
6	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	13
7	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%	15
8	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	12
9	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	4
10	Số lượt khách quốc tế đến năm 2030	Triệu lượt	1,3-1,5
11	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm	%	9,72
12	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo / tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030	%	>= 40
13	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	9-10
14	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030	Nghìn DN	15
15	Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030	%	37
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI		
16	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động có việc làm trên địa bàn tỉnh	%	27,5

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026-2030
17	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030	%	65
18	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	33
19	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	40
20	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG BĐKH		
21	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	%	50
22	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	95
23	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%	70-75